TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 64/2026/HS-ST Ngày 16 - 4 - 2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Điệu

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hường, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

- Thư ký tại điểm cầu thành phần: Ông Lương Khánh Sơn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 1- Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại tại điểm cầu trung tâm - Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần - Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn B, sinh năm 1963, tại Hải Phòng; Căn cước công dân số 031…, nơi cư trú Tổ dân phố Xanh Soi, phường T Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G., và bà Nguyễn Thị C., có vợ Nguyễn Thị H. (đã ly hôn); tiền án: Bản án số 137/2008/HSST ngày 30/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (chưa thi hành xong hình phạt bổ sung); nhân thân: Bản án số 36/1989/HSST ngày 31/10/1989 của Tòa án nhân dân huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn B 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản (đã được xoá án tích). Bản án số 367/HSST ngày 21/8/1998 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn B 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/1999 (đã được xoá án tích). Bản án số 88/HSST ngày 29/10/2001 của Tòa án nhân dân huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt

Nguyễn Văn B 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã thi hành xong hình phạt tù ngày 12/5/2002 (đã được xóa án tích). Bản án số 139/2017/HSST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn B 05 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng (đã được xóa án tích), tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/7/2025, đến ngày 18/7/2025 chuyển tạm giam. Có mặt.

2. Bá Thị Bích T, sinh năm 1972, tại Hải Phòng; Căn cước công dân số 0311…; nơi cư trú: Tổ dân phố Quyết Thắng, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bá Ngọc Th. và bà Hà Thị L.; có chồng Bùi Doãn C.. (đã ly hôn); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 10/7/2025 đến ngày 18/7/2025 chuyển tạm giam. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Lê Văn H; địa chỉ: Tổ dân phố Dưới, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn Chinh; địa chỉ: Tổ dân phố Đông Phương 2, phường Hòa Bình, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 10/7/2025, Công an thành phố Hải Phòng phát hiện bắt quả tang Bá Thị Bích T có hành vi bán trái phép chất ma tuý tại nơi ở của Nguyễn Văn B thuộc tổ dân phố Xanh Soi, phường Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Thu giữ tại tay phải của T 01 túi nilon bên trong có 12 gói giấy bạc đều chứa chất bột dạng cục màu trắng; dưới đất cạnh vị trí T đang đứng 02 cục chất bột màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu bạc và số tiền 1.200.000 đồng của T.

Bị cáo Bá Thị Bích Thuỷ khai nhận: Khoảng giữa tháng 6 năm 2025, T gặp Lê Văn H, sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố Dưới, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng tại nơi ở của Nguyễn Văn B. Thuỷ và H thống nhất việc H sẽ thuê Thuỷ bán ma tuý và trả công. H là người cung cấp ma túy Heroine, T là người bán. Tiền công khi T bán được 01 chỉ ma túy (khoảng 42 đến 47 gói, mỗi gói giá 200.000 đồng) H trả cho T là 1.000.000 đồng, số tiền bán ma túy còn lại là của H, địa điểm bán ma túy là nơi ở của B, mỗi ngày Thuỷ sẽ cho B 02-03 gói ma tuý để trả tiền thuê địa điểm, còn B có sử dụng hay không thì Thuỷ không biết. Trung bình mỗi ngày Thuỷ bán được 40-50 gói nhưng không nhớ đã bán được bao nhiêu ngày và bán cho bao nhiêu người. Số tiền có được từ việc bán ma tuý Thuỷ sử dụng cá nhân và chi tiêu sinh hoạt hết. Tối ngày 06/7/2025, H đến gặp T tại nơi ở của B và đưa cho T 20 gói ma túy Heroine được gói bằng giấy bạc để T bán. Đến sáng ngày 10/7/2025, T mang số ma túy trên đến nơi ở của B và bán cho nhiều đối tượng nghiện (không xác định được

nhân thân, lai lịch những người mua), được 07 gói ma túy Heroine với giá 200.000 đồng/1 gói, tổng tiền thu được là 1.400.000 đồng. Thuỷ đưa cho B 01 gói ma túy Heroine để trả tiền thuê địa điểm. Trong số 07 gói ma tuý đã bán thì có 01 gói bán cho Phạm Văn Chỉnh, sinh năm 1970, trú tại tổ dân phố Đông Phương 2, phường Hòa Bình, thành phố Hải Phòng với giá 200.000 đồng. Số tiền bán ma túy, T đã tiêu hết 200.000 đồng, còn lại 1.200.000 đồng bị Công an thu giữ.

Bị cáo Nguyễn Văn B khai nhận: B thấy Lê Văn H hay đến nơi ở của mình gặp Thuỷ, còn việc trao đổi mua bán trái phép ma tuý giữa Thuỷ và H thì B không biết và không tham gia cùng. B biết và đồng ý cho Thuỷ sử dụng nơi ở của mình để bán ma tuý. Mỗi ngày T cho B từ 02-03 gói ma túy để trả tiền thuê địa điểm, B sử dụng số ma tuý trên cho bản thân, B sử dụng một mình và không ai biết.

Lê Văn H trình bày: H có quen biết với Thuỷ và từ đầu tháng 7 năm 2025, H đã nhiều lần mua ma túy Heroine của T với giá 200.000 đồng/1 gói để sử dụng cho bản thân. Những lần mua ma túy trên H đều đến nơi ở của Nguyễn Văn B gặp và mua ma tuý của T. H không thuê T bán ma túy.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn B tại tổ dân phố Xanh Soi, phường T Nguyên, thành phố Hải Phòng và nơi ở của Bá Thị Bích T tại tổ dân phố Quyết Thắng, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại bản Kết luận giám định số 453/KL-KTHS ngày 18/7/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: "chất bột màu trắng có trong 12 gói giấy thu giữ tại tay phải của Bá Thị Bích T là ma túy, loại: Heroine, khối lượng: 1,01 gam; 02 cục chất bột màu trắng thu giữ dưới đất có khối lượng: 0,26 gam, không tìm thấy chất ma túy và tiền chất".

Vật chứng: 01 phong bì niêm phong số 453MT/PC09 chứa 0,90 gam Heroine; 0,11 gam chất bột cùng toàn bộ vỏ bao bì còn lại sau giám định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số tiền 1.200.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 02 tháng 3 năm 2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Văn B về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Truy tố Bá Thị Bích T về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữa nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đề nghị hình phạt như sau:

Áp dụng điểm b, p khoản 2, khoản 6 Điều 251; các Điều 17, 38, 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo .Nguyễn Văn B từ 09 năm đến 10 năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 5.000.000 đồng đối với bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 6 Điều 251; các Điều 17, 38, 58 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bá Thị Bích Thuỷ từ 08 năm 06 tháng

đến 09 năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy các chất ma tuý và vỏ bao gói còn lại sau giám định. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 1.200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh thu giữ của Bá Thị Bích Thuỷ. Truy thu số tiền 200.000 đồng của Bá Thị Bích Thuỷ có được do bán ma tuý để sung Ngân sách Nhà nước. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn, hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[2] Về tội danh, định khung hình phạt: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 6 năm 2025 đến ngày 10/7/2025, Nguyễn Văn B đã cho Bá Thị Bích T sử dụng địa điểm của mình tại tổ dân phố Xanh Soi, phường T Nguyên, thành phố Hải Phòng để bán trái phép chất ma túy nhiều lần và hưởng lợi từ việc cho thuê địa điểm bằng việc nhận ma tuý của Thuỷ để sử dụng. Đến khoảng 16 giờ ngày 10/7/2025 Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang Thuỷ có hành vi bán trái phép chất ma tuý tại nơi ở của B thuộc tổ dân phố Xanh Soi, phường T Nguyên, thành phố Hải Phòng. Khối lượng ma tuý thu giữ của Thuỷ là 1,01 gam loại Heroine. Bị cáo Nguyễn Văn B đã có 01 tiền án về tội phạm rất nghiêm trọng chưa được xoá án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng nên hành vi của bị cáo Nguyễn Văn B đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi của bị cáo Bá Thị Bích T đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tệ nạn ma túy đang là hiểm họa lớn đối với toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa,

các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về phân hóa vai trò đồng phạm và áp dụng hình phạt: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, mặc dù không có sự phân công nhưng các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Thuỷ có vai trò mua ma tuý về và trực tiếp bán ma tuý cho các đối tượng nghiện. B cho Thuỷ dùng nơi ở của mình để Thuỷ làm địa điểm bán ma tuý. Bị cáo Thuỷ có vai trò cao hơn bị cáo B nhưng bị cáo B đã có 01 tiền án về tội phạm rất nghiêm trọng chưa được xoá án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo B là cao hơn bị cáo Thuỷ.

[5] Về hình phạt: Với phân tích trên, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và xử phạt các bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo bán ma tuý nhiều lần có mục đích kiếm lời, nên xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự mới đủ sức giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong chất ma tuý và 0,11 gam chất bột cùng toàn bộ vỏ bao bì còn lại sau giám định. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số tiền 1.200.000 đồng thu giữ của Bá Thị Bích Thuỷ. Buộc bị cáo Thuỷ phải nộp lại 200.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

[8] Về những vấn đề khác: Bá Thị Bích T khai được Lê Văn H thuê bán ma túy, Lê Văn H không thừa nhận thuê Thuỷ bán ma tuý. Ngoài lời khai của T không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc H thuê Thuỷ bán ma tuý cho H. Vì vậy không có căn cứ để xử lý đối với Lê Văn H. Bá Thị Bích T, Nguyễn Văn B và Lê Văn H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không thuộc đối tượng bị khởi tố theo Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Cơ quan Công an đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T, B, H. Đối với Nguyễn Văn Chỉnh có hành vi mua ma tuý của Bá Thị Bích Thuỷ để sử dụng nhưng tại thời điểm làm việc với Cơ quan điều tra, Chỉnh âm tính với ma tuý nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b,q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, các Điều 17, 38, 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn B** phạm tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Xử phạt: Nguyễn Văn B 10 năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 11/7/2025.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, các Điều 17, 38, 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Bá Thị Bích T** phạm tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Xử phạt: Bá Thị Bích T 09 năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 10/7/2025.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong số 453MT/PC09 bên trong chứa 0,90 gam Heroine; 0,11 gam chất bột cùng toàn bộ vỏ bao bì còn lại sau giám định. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng), số tiền 1.200.000 đồng (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và chứng từ giao dịch số 03020080000000051 ngày 02/3/2026).

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND TPHải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND cùng cấp;
- THADS TP Hải Phòng;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:</u>

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người B vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người B vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người B vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì

ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)